

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2023/TTT

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Ủy ban chứng khoán nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Du lịch – Thương mại Tây Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TTT
- Địa chỉ: 1253 đường Cách mạng tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0276.3822376
- Email: tanitour.tayninh@gmail.com Website: <https://tanitour.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/08/2023 tại đường dẫn: <https://tanitour.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên 2023
- BCTC hợp nhất bán niên 2023
- Văn bản giải trình BCTC riêng bán niên 2023 số 227/DLTM
- Văn bản giải trình BCTC hợp nhất bán niên 2023 số 228/DLTM



Phan Thanh Trung

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Đã được soát xét)

J M C C

J M C C

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	09-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên	
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2023
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/06/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh
Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước,
phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Số: 180823.006/BCTC.FIS2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 18 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH
Hàng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		464.676.826.120	425.543.312.209
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	14.432.961.072	12.669.545.050
111	1. Tiền		1.122.961.072	3.669.545.050
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.310.000.000	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		43.000.000.000	36.465.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	43.000.000.000	36.465.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		398.708.544.340	366.224.788.711
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.684.281.989	3.989.301.106
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.590.841.574	793.451.725
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	343.000.000.000	343.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.433.420.777	18.442.035.880
140	IV. Hàng tồn kho		5.581.973.414	8.143.131.442
141	1. Hàng tồn kho	8	5.581.973.414	8.143.131.442
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.953.347.294	2.040.847.006
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.696.905.927	359.863.569
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		256.441.367	790.443.256
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	890.540.181
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.498.079.516	24.064.881.192
220	I. Tài sản cố định		19.620.808.413	21.674.115.626
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	19.620.808.413	21.674.115.626
222	- Nguyên giá		318.599.118.494	318.168.447.207
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(298.978.310.081)	(296.494.331.581)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	11	1.729.240.636	1.871.370.003
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.517.280.357)	(2.375.150.990)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	27.053.946
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	27.053.946
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.148.030.467	492.341.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.144.329.091	492.341.617
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.701.376	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		487.174.905.636	449.608.193.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		42.255.241.497	39.263.957.245
310	I. Nợ ngắn hạn		42.155.241.497	39.163.957.245
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.699.100.108	21.670.058.453
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.955.654.704	8.621.167.631
314	3. Phải trả người lao động		2.082.058.295	7.617.895.827
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.523.949.592	521.855.402
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		574.893.914	23.136.364
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.055.904.042	422.554.476
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		263.680.842	287.289.092
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	100.000.000	100.000.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		444.919.664.139	410.344.236.156
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	444.692.662.984	410.089.008.282
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		48.915.600.000	48.915.600.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.761.702.190	50.761.702.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.160.697.258	108.270.507.505
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		108.270.507.505	81.353.764.046
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		24.890.189.753	26.916.743.459
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		166.152.563.536	156.439.098.587
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		227.001.155	255.227.874
431	1. Nguồn kinh phí		177.197	177.197
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		226.823.958	255.050.677
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		487.174.905.636	449.608.193.401



Lê Văn Công
Người lập



Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng




Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	98.851.492.074	90.974.421.155
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.229.040.679	659.328.361
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.622.451.395	90.315.092.794
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	62.209.283.531	47.547.429.373
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.413.167.864	42.767.663.421
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	15.814.623.152	13.839.613.724
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	4.754.861.774	965.281.737
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.198.733.137	4.834.797.062
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.274.196.105	50.807.198.346
31	11. Thu nhập khác	22	3.419.017.563	1.271.782.762
32	12. Chi phí khác	23	1.382.845.291	591.649.625
40	13. Lợi nhuận khác		2.036.172.272	680.133.137
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.310.368.377	51.487.331.483
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	8.710.415.051	10.342.106.296
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(3.701.376)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		34.603.654.702	41.145.225.187
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		24.890.189.753	25.684.091.868
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.713.464.949	15.461.133.319
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	5.446	5.620

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		43.310.368.377	51.487.331.483
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		2.704.744.648	5.094.874.087
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(15.814.623.152)	(13.667.975.766)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.200.489.873	42.914.229.804
09	(Tăng) các khoản phải thu		(17.992.823.262)	(2.877.815.151)
10	Giảm hàng tồn kho		2.492.118.937	452.609.965
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		2.806.798.088	6.729.091.316
12	(Tăng) chi phí trả trước		(2.989.029.832)	(2.860.072.854)
15	Thuế TNDN đã nộp		(8.485.569.728)	(544.548.001)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	269.800.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.000.000)	(354.430.846)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.030.984.076	43.728.864.233
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(368.330.909)	(662.953.072)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(44.500.000.000)	(207.515.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		37.965.000.000	135.605.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.748.232.855	15.734.568.384
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(4.155.098.054)	(56.838.384.688)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(112.470.000)	(25.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(112.470.000)	(25.400.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.763.416.022	(13.134.920.455)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.669.545.050	61.678.264.111
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		14.432.961.072	48.543.343.656

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT. Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 106 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 123 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng

tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình và vô hình) ("TSCĐ") được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 – 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
▶ TSCĐ Khác	04 – 09 năm
▶ Phần mềm bán vé	03 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản và chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 36 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời

002
ÔN
Ổ P
H-TH
Y N
NH.

điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

40
TY
ÂN
NG
NH
T

2.22 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	382.967.854	1.171.892.705
Tiền gửi ngân hàng	739.993.218	2.497.652.345
Tương đương tiền (*)	13.310.000.000	9.000.000.000
	14.432.961.072	12.669.545.050

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,3%/năm - 5,5%/năm.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30/06/2023, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 8,0%/năm - 10,7%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.207.415.320	1.062.000.000
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh - Chi nhánh Sun World Tây Ninh	21.229.750.664	2.522.399.011
Khác	247.116.005	404.902.095
	22.684.281.989	3.989.301.106

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cho vay tổ chức	343.000.000.000	343.000.000.000
	343.000.000.000	343.000.000.000

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích tối ưu nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay, phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	31.372.245.777	18.305.855.480
Khác	61.175.000	136.180.400
	31.433.420.777	18.442.035.880

8. Hàng tồn kho

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.751.905.803	2.162.611.700
Hàng hóa	214.189.256	304.959.781
Nguyên liệu vật liệu	3.615.878.355	5.675.559.961
	5.581.973.414	8.143.131.442

9. Chi phí trả trước

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	98.994.900	213.856.552
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.411.326	69.329.955
Khác	2.574.499.701	76.677.062
	2.696.905.927	359.863.569
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	911.588.353	266.424.435
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	90.151.433	58.025.109
Khác	142.589.305	167.892.073
	1.144.329.091	492.341.617

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	75.309.054.284	209.478.609.872	16.046.954.572	15.144.153.637	2.189.674.842	318.168.447.207
Mua trong kỳ	-	464.050.000	-	-	-	464.050.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	96.093.037	-	-	-	-	96.093.037
Giảm khác	(129.471.750)	-	-	-	-	(129.471.750)
Tại ngày 30/06/2023	75.275.675.571	209.942.659.872	16.046.954.572	15.144.153.637	2.189.674.842	318.599.118.494
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	62.283.293.536	208.443.619.393	11.162.913.368	12.538.092.828	2.066.412.456	296.494.331.581
Khấu hao trong kỳ	812.884.463	411.399.724	550.324.103	725.516.364	62.490.627	2.562.615.281
Khấu hao tài sản nguồn ngân sách	-	13.238.833	9.376.652	3.557.763	2.053.471	28.226.719
Khấu hao tài sản nguồn phúc lợi	22.608.250	-	-	-	-	22.608.250
Giảm khác	(129.471.750)	-	-	-	-	(129.471.750)
Tại ngày 30/06/2023	62.989.314.499	208.868.257.950	11.722.614.123	13.267.166.955	2.130.956.554	298.978.310.081
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	13.025.760.748	1.034.990.479	4.884.041.204	2.606.060.809	123.262.386	21.674.115.626
Tại ngày 30/06/2023	12.286.361.072	1.074.401.922	4.324.340.449	1.876.986.682	58.718.288	19.620.808.413

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 275.614.278.759 VND.
- ▶ TSCĐ của Công ty bao gồm các tài sản mua từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 396.731.998 VND và 169.908.040 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 30/06/2023 là 226.823.958 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

11. Bất động sản đầu tư

Tại thời điểm 30/06/2023, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	2.139.908.428	2.139.908.428	2.139.908.428	2.139.908.428
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000
Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	-	-	2.176.196.700	2.176.196.700
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	2.098.554.150	2.098.554.150	3.401.849.340	3.401.849.340
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Thăng Long	2.410.600.473	2.410.600.473	2.410.600.473	2.410.600.473
Khác	6.561.937.057	6.561.937.057	5.053.403.512	5.053.403.512
	19.699.100.108	19.699.100.108	21.670.058.453	21.670.058.453

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.918.370	3.332.408.734	4.551.277.528	1.238.787.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.485.569.728	8.485.569.728	8.710.415.051	8.710.415.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.420.627	461.778.896	460.661.159	25.302.890
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	890.540.181	-	-	3.809.303.045	2.918.762.864
Các loại thuế, phí khác	-	89.258.906	539.320.023	512.447.852	62.386.735
	890.540.181	8.621.167.631	12.819.077.381	18.044.104.635	12.955.654.704

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Phải trả khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	122.623.000	235.093.000
- Cổ đông khác	122.623.000	235.093.000
Thu-chi hộ Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen về phí lệ phí (*)	4.674.460.085	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.820.957	187.461.476
	5.055.904.042	422.554.476
Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

(*) Theo hợp đồng thu chi hộ phí tham quan di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen ngày 28/12/2022 giữa Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen và Công ty, thời gian bắt đầu thu-chi hộ kể từ ngày 01/01/2023.

106
TY
ÂN
NGM
NH
TÁ

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	45.702.100.000	48.915.600.000	50.761.702.190	90.494.184.046	145.066.923.134	380.940.509.370
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	25.684.091.868	15.461.133.319	41.145.225.187
Tại ngày 30/06/2022	45.702.100.000	48.915.600.000	50.761.702.190	116.178.275.914	160.528.056.453	422.085.734.557
Tại ngày 01/01/2023	45.702.100.000	48.915.600.000	50.761.702.190	108.270.507.505	156.439.098.587	410.089.008.282
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	24.890.189.753	9.713.464.949	34.603.654.702
Tại ngày 30/06/2023	45.702.100.000	48.915.600.000	50.761.702.190	133.160.697.258	166.152.563.536	444.692.662.984

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2023	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50%	11.197.010.000	24,50%
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50%	12.568.090.000	27,50%
	45.702.100.000	100,00%	45.702.100.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
Cổ tức tại Công ty mẹ:		
- Cổ tức phải trả đầu kỳ	235.093.000	215.093.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	112.470.000	25.400.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	112.470.000	25.400.000
- Cổ tức phải trả cuối kỳ	122.623.000	189.693.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

16. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Tại Công ty mẹ:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006.

Tại Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (công ty con):

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009;
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/5/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại ấp Long Phước, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại ấp Thạch Trung, xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 02B/2023/HDTTS/STN-TTT ngày 02/01/2023 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2023.

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	38.510.039.093	50.906.916.916
Hoạt động bán hàng hóa	25.487.929.206	13.388.953.437
Hoạt động cho thuê mặt bằng, quảng cáo	1.712.545.455	2.075.681.829
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	6.412.368.181	5.909.049.528
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	24.757.356.482	16.067.993.222
Khác	1.971.253.657	2.625.826.223
	98.851.492.074	90.974.421.155

18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	17.395.763.676	15.470.909.435
Hoạt động bán hàng hóa	21.806.069.063	11.483.970.726
Hoạt động cho thuê mặt bằng, quảng cáo	84.355.917	232.803.366
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.045.120.922	4.282.671.876
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	17.142.923.039	12.651.690.938
Khác	735.050.914	3.425.383.032
	62.209.283.531	47.547.429.373

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.814.623.152	13.839.613.724
	15.814.623.152	13.839.613.724

20. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	635.193.439	666.922.513
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.030.765	228.342.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.842.761.325	-
Chi phí khác	70.876.245	70.017.074
	4.754.861.774	965.281.737

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.055.579.573	3.684.097.291
Chi phí khấu hao TSCĐ	219.818.566	348.305.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.462.490	590.613.924
Chi phí khác	213.872.508	211.780.225
	5.198.733.137	4.834.797.062

22. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chiết khấu bia, nước giải khát và hỗ trợ trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	2.984.540.000	1.167.294.667
Khác	434.477.563	104.488.095
	3.419.017.563	1.271.782.762

23. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hỗ trợ trưng bày sản phẩm	973.935.000	420.011.667
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	171.637.958
Khác	408.910.291	-
	1.382.845.291	591.649.625

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.722.607.403	2.421.721.185
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	4.987.807.648	7.920.385.111
- Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	4.987.807.648	7.920.385.111
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.710.415.051	10.342.106.296
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	8.485.569.728	544.548.001
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(8.485.569.728)	(544.548.001)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	8.710.415.051	10.342.106.296

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	24.890.189.753	25.684.091.868
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	24.890.189.753	25.684.091.868
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.446	5.620

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	12.810.451.731	9.071.821.617
Chi phí nhân công	19.441.410.185	18.504.038.235
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.704.744.648	5.094.874.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.797.944.182	5.429.639.465
Chi phí khác bằng tiền	4.602.258.633	3.763.164.042
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	50.356.809.379	41.863.537.446

27. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

28. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Olympia	Chủ sở hữu	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	603.336.665
Các cổ đông khác	Chủ sở hữu	Chi trả cổ tức	112.470.000	25.400.000

Thu nhập của Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	268.272.000	268.272.000
Ông Trịnh Văn Hà	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Hiền	288.000.000	273.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Huy Cường	30.000.000	-
Ông Phạm Hùng Cường	-	30.000.000
Ông Phan Thanh Trung	24.000.000	24.000.000
Các thành viên Ban Kiểm soát	213.600.000	213.600.000
	889.872.000	874.872.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

30. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 18 tháng 08 năm 2023.

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023